

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ D TỈNH GIA
LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HS-ST

Ngày: 04/3/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ D – TỈNH GIALAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Tố Uyên – Thẩm phán.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Phi Khanh và ông Ngô Xuân Dệt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Lệ Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 3 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố D, tỉnh Gia lai, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 02 năm 2020, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2020/QĐXXST-HS ngày 19 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

H (tên gọi khác: G) - Sinh năm: 1999 tại D, Gia Lai.

Nơi đăng ký NKTT và chỗ ở: Làng 1, phường TL, Tp. D, tỉnh Gia Lai.

Trình độ học vấn: 02/12 - Nghề nghiệp: Không; Quốc tịch: Việt Nam - Dân tộc: Jarai - Tôn giáo: Tin lành.

Cha: N - Sinh năm 1980; Mẹ: C - Sinh năm 1981, hiện trú tại: Làng 1, phường TL, Tp. D, tỉnh Gia Lai.

Bị cáo có 04 chị, em ruột (lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2017).

Bị cáo chưa có vợ;

Tiền án, tiền sự: Có một tiền án; tiền sự không.

Ngày 20/9/2018, bị Tòa án nhân dân TP.D xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 129/2018/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 16/11/2018, chấp hành xong hình phạt tù.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 22/11/2019 sau đó bị áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố D, tỉnh Gia Lai.

- Người Bị hại: Bà TTL – sinh năm: 1988. Địa chỉ: Thôn 5, xã AP, thành phố D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Anh NT – sinh năm: 1981. Địa chỉ: Tổ 1, phường PD, thành phố D, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt tại phiên tòa.

Ông Ksor N, sinh năm: 1976; Địa chỉ: làng M, xã CÁ, thành phố D, tỉnh Gia Lai.
Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

H là người đã bị kết án về tội: “*Trộm cắp tài sản*” và chưa được xóa án tích. Khoảng 12 giờ ngày 21/11/2019, H đi bộ một mình đến địa bàn xã AP, TP.D để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà chị Trần TTL (sinh năm 1988, trú Thôn 05, xã AP, H phát hiện cửa sau nhà chị L mở, nhưng không có người trông coi nhà, nên lẻn vào phòng ngủ của chị L trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71 màu đen. Sau khi trộm cắp được điện thoại di động trên, H đi bộ đến cửa hàng điện thoại Tân Thế Giới (Tổ 01, phường PĐ, TP.D) bán cho ông NTT (sinh năm 1981, là chủ cửa hàng) được 1.300.000 đồng; số tiền trên, H đã tiêu xài hết. Đến 09 giờ ngày 22/11/2019, khi H đang điều khiển xe mô tô biển số 81B1- 954.77 đi trên địa bàn xã An Phú, TP.D, thì được Công an xã AP, TP.D đưa về trụ sở để làm việc. Tại Công an xã AP, H đã đầu thú và khai nhận về hành vi trộm cắp điện thoại di động của chị TTL, như nêu trên. Cơ quan Công an thu giữ của H xe mô tô biển số 81B1- 954.77, 01 con dao dài 27cm và 01 giấy Chứng minh nhân dân mang tên NTN (sinh năm 1986, trú Tổ 02, phường HL, TP.D). Đối với điện thoại di động hiệu Oppo A71 màu đen mà H đã trộm cắp của chị Liễu, sau khi mua anh T đã bán lại cho người khác, nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.D không thu hồi được.

Qua định giá, kết luận tại thời điểm bị H chiếm đoạt, điện thoại di động Oppo A71 màu đen của chị L trị giá 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số 26/CTr-VKS ngày 11/02/2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D đã truy tố bị cáo H về tội: “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố như nội dung cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017;

Áp dụng: Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điểm g khoản 1 Điều 52 Điều 38 Bộ luật hình sự 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt bị cáo từ 09 (chín) đến 12 (mười hai) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ ngày 22/11/2019.

Đối với các đồ vật, tài sản thu giữ của H, qua điều tra xác định: Xe mô tô biển số 81B1- 954.77 do H mượn của ông Ksor Niên (sinh năm 1983, trú làng M,

xã CA, TP.D) để sử dụng; xe mô tô này không liên quan đến hành vi trộm cắp của H nên trả lại cho ông Ksor Niên.

01 Dao dài 27cm là công cụ H dùng để cắt cỏ làm thức ăn cho bò, không phải là công cụ phương tiện phạm tội nên trả lại cho H;

Giấy Chứng minh nhân dân mang tên N là của chị N làm rơi và H nhặt được. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại giấy Chứng minh nhân dân cho chị N.

Về dân sự: Chị TTL yêu cầu bị cáo bồi thường trị giá trị điện thoại di động bị chiếm đoạt với số tiền 2.100.000 đồng (*hai triệu một trăm nghìn đồng*) đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận buộc bị cáo phải bồi thường.

Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án; Bị cáo H phải chịu 200.000 đồng án phí Hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố D, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người bị hại không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

2. Tại phiên tòa bị cáo H khai nhận: Khoảng 12 giờ ngày 21/11/2019, H đi bộ một mình đến địa bàn xã AP, TP.D để tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Khi đi đến nhà chị TTL (sinh năm 1988, trú Thôn 05, xã An Phú), H phát hiện cửa sau nhà chị L mở, nhưng không có người trông coi nhà, nên lẻn vào phòng ngủ của chị L trộm cắp 01 điện thoại di động hiệu Oppo A71 màu đen. Sau khi trộm cắp được điện thoại di động trên, H đi bộ đến cửa hàng điện thoại Tân Thế Giới (Tổ 01, phường PĐ, TP.D) bán cho ông NTT (sinh năm 1981, là chủ cửa hàng) được 1.300.000 đồng; số tiền trên, H đã tiêu xài hết.

Người bị hại chị TTL khai: Vào ngày 21/11/2019 chị đã bị kẻ gian đột nhập vào nhà lấy trộm lấy 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo A71 màu đen, chị L yêu cầu: Buộc bị cáo bồi thường cho chị giá trị tài sản bị mất là 2.100.000 đồng. Về phần hình phạt chị yêu cầu giải quyết theo quy định của pháp luật.

Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ cơ sở kết luận bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1, Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Hành vi phạm tội của bị cáo H thể hiện sự táo bạo, liều lĩnh, bị cáo thực hiện hành vi trộm cắp giữa ban ngày, lợi dụng sự sơ hở của người bị hại nhà không có người trông coi, không đề phòng, cảnh giác nên bị cáo đã len lút vào nhà để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Hành vi trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của người khác mà pháp luật bảo vệ.

Tuy nhiên Hội đồng xét xử cũng có phần xem xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; Sau khi phạm tội bị cáo đã ra đầu thú. Ngày 20/9/2018, bị cáo đã bị Tòa án nhân dân TP.D xử phạt 06 tháng tù về tội: “*Trộm cắp tài sản*” (theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự), tại Bản án số 129/2018/HSST; chấp hành án tại Trại tạm giam Công an tỉnh Gia Lai. Ngày 16/11/2018, chấp hành xong hình phạt tù chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này là tái phạm. Nên áp dụng điểm s khoản 1 khoản 2 điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017 để cân nhắc trong quá trình lượng hình đối với bị cáo.

Đối với ông T (chủ cửa hàng điện thoại Tân Thế Giới), là người đã mua điện thoại di động hiệu Oppo A71 do bị cáo H trộm cắp mang đến bán, T không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an TP.D không xem xét, xử lý đối với ông T về hành vi tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, là có căn cứ. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Xe mô tô biển số 81B1- 954.77 do H mượn của ông Ksor Niên, để sử dụng; xe mô tô này không liên quan đến hành vi trộm cắp của H nên trả lại cho ông Ksor Niên; Giấy Chứng minh nhân dân mang tên N là của chị N làm rơi và H nhặt được. Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại giấy Chứng minh nhân dân cho chị N và trả lại xe cho ông N là có căn cứ.

01 Dao dài 27cm là công cụ H dùng để cắt cổ làm thức ăn cho bò, không phải là công cụ phương tiện phạm tội nên trả lại cho H;

3. Về dân sự: Buộc bị cáo H phải bồi thường cho chị TTL 2.100.000 đồng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **H** phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung 2017.

Áp dụng: Điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung 2017.

Xử phạt: bị cáo H 09 (chín) tháng tù; Thời hạn tù tính từ ngày 22/11/2019.

2. Áp dụng: Khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 2015 được sửa đổi bổ sung 2017.

- Buộc bị cáo phải bồi thường cho người bị hại chi TTL trị giá của điện thoại di động là: 2.100.000 đồng (*Hai triệu một trăm ngàn đồng chẵn*).

Căn cứ: Điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Trả lại cho bị cáo H 01 Dao dài 27cm cán quân bằng keo màu đen, dao cũ, rỉ sét đã qua sử dụng. (Theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan điều tra Công an thành phố D và Chi cục thi hành án dân sự thành phố D ngày 04/3/2020)

3. Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự 2015; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 về án phí, lệ phí Tòa án;

Buộc bị cáo H phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm ngàn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (ngày 04/3/2020) bị cáo được quyền kháng cáo đề yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Gia Lai xét xử phúc thẩm. Riêng người bị hại và có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
- VKSND thành phố D;
- Công an thành phố D;
- Chi cục THA dân sự;
- Sở Tư pháp tỉnh Gia Lai;
- Bị cáo; Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Trần Thị Tố Uyên